TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 23/2022/HNGĐ - ST

Ngày 31/5/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Ngọc Sử và bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn BLĐ, xã ĐC, huyện ĐH, tỉnh TB

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện ĐH, tỉnh TB

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 08/4/2022 và trong quá trình tố tụng chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh T kết hôn do tự tìm hiểu, không bị ép buộc. Năm 2014 anh T và chị có quan hệ tình cảm chị có thai, sinh cháu H nhưng do anh T vi phạm pháp luật phải đi cải tạo nên anh chị chưa đi đăng kí kết hôn. Sau khi anh T cải tạo xong về địa phương chị và anh T mới đi đăng kí kết hôn tại UBND xã N vào ngày 16/7/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy nên thường chửi bới

đánh đập chị, cũng vào năm 2019 anh T bị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Nay anh T đã áp dụng xong quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng chị xét thấy không thể chung sống với anh T được nữa, chị đã đưa con H về quê ngoại ở xã ĐC sinh sống đồng thời chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung con lớn chị đặt tên là H. Con thứ hai là Nguyễn Trọng H1 sinh ngày 17/3/2017.

Cháu H sinh ngày 16/10/2014. Khi chị sinh cháu H anh T đi cải tạo, lúc đó chị và anh T chưa đăng kí kết hôn nên sau khi chị sinh con H chị đã khai sinh cho cháu H theo họ của chị là Phạm Hoàng H, sinh ngày 16/10/2014.

Đến khi anh T đi cải tạo về chị và anh T đi đăng kí kết hôn, anh T làm thủ tục nhận cha đối với cháu H đồng thời vợ chồng chị đã cải chính họ và tên đệm cho cháu H theo họ của anh T là Nguyễn Trọng H.

Ly hôn nếu anh T đồng ý cho chị N nuôi hai con, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị N đang làm công nhân may mặc thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng /tháng. Chị đủ điều kiện nuôi 02 con chung. Hiện tại chị N không có thai.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N xin được vắng mặt tại phiên Tòa xét xử việc ly hôn giữa chị và anh T.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/5/2022 anh T trình bày: Anh T đã nhận được các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải tiếp cận công khai chứng cứ về việc chị N xin ly hôn anh, nhưng do công việc bận mải nên anh không đến Tòa trình bày theo giấy triệu tập được. Chị N xin ly hôn anh có ý kiến như sau. Anh T và chị N kết hôn do tự nguyện có đăng kí kết hôn tại UBND xã N vào năm 2015. Trước khi đăng kí kết hôn anh T chị N có quan hệ tình cảm, chị N có thai con H sau đó sinh con và làm khai sinh cho con tại UBND xã Đông Các. Đến ngày 13/6/2016 sau khi vợ chồng về chung sống anh T mới làm thủ tục nhận con và cải chính khai sinh cho con H từ Phạm Hoàng H thành Nguyễn Trọng H theo họ và tên đệm của anh T. Cuối năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn do anh chơi bời ít quan tâm đến gia đình vợ con nên chị N đã bỏ về bên ngoại và đưa con H đi theo còn để lại cháu H1 cho anh nuôi dưỡng. Sau khi chị N bỏ đi anh T đến tìm nhưng chị N không về. Tháng 8/2020 anh phải đi cai nghiện bắt buộc, sau khi cai nghiện xong anh về có gọi điện tìm chị N, nhưng chị N không về. Nay chị N xin ly hôn anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/10/2014, và Nguyễn Trọng H1 sinh ngày 17/3/2017. Con H1 đang ở với anh T, con H đang ở với chị N. Ly hôn anh T không đồng ý để chị N nuôi hai con. Anh T đề nghị giao cho chị N trực tiếp nuôi con H, còn anh T trực tiếp nuôi con H1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện tại anh T

làm thợ sơn thu nhập từ 7.000.000 đồng – 9.000.000 đồng anh đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Do công việc bận mải nên anh T xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của chị N đã tuân thủ quy định của pháp luật, của anh T chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho chị N nuôi dưỡng con H, anh T nuôi dưỡng con H1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T, chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T ham chơi, nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc. Nay chị N, anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của N, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/10/2014, và Nguyễn Trọng H1 sinh ngày 17/3/2017. Chị N và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Hiện tại chị N đang nuôi con H, anh T đang nuôi con H1, cháu H có nguyện vọng ở với chị N. Do vậy cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dạy con H, anh T trực tiếp nuôi dạy con H1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4]Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 , 85 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2/ Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng H, sinh ngày 16/10/2014. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng H1 sinh ngày 17/3/2017, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hai bên được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. CH1ển số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003051ngày 15/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí .

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKS huyện Đông Hưng
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Thi hành án dân sự Đông Hưng
- UBND xã N
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hà Thị Nhung